

Phụ lục I
DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HỆ THỐNG CAO TỐC, QUỐC LỘ, ĐƯỜNG LIÊN TỈNH, ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG VÀNH ĐAI THÀNH PHỐ VÀ ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
I	Đường liên tỉnh			
1	Cầu Ô Môn	Tỉnh Đồng Tháp	Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	4 - 6 làn xe
2	Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	Kết nối đường dẫn Cầu Ô Môn (quận Ô Môn)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III - II, 4 - 6 làn xe và xây dựng đường gom 2 bên, lộ giới 80 m
II	Đường tỉnh			
1	Đường tỉnh 917	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy)	Giao với quốc lộ 91B (quận Bình Thủy)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 34 m
2	Đường tỉnh 917B	Giao với đường tỉnh 917C (quận Ô Môn)	Nút giao kết nối liên thông với đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (huyện Thới Lai)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 50 m
3	Đường tỉnh 917C	Giao với đường tỉnh 920 (quận Ô Môn)	Giao với đường tỉnh 923 (huyện Phong Điền)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 80 m
4	Đường tỉnh 918	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy)	Giao với đường tỉnh 918B (huyện Phong Điền)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
5	Đường tỉnh 918B	Giao với đường Võ Văn Kiệt (quận Bình Thủy)	Ranh giới thành phố Cần Thơ	Đường trục chính đô thị, lộ giới 50 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
			(huyện Phong Điền) và tỉnh Hậu Giang	
6	Đường tỉnh 919	Giao quốc lộ 80 (huyện Vĩnh Thạnh)	Ranh giới tỉnh Hậu Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III - II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
7	Đường tỉnh 920	Cầu Rạch Chôm (quận Ô Môn)	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
8	Đường tỉnh 920	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy) trên tuyến có đoạn đi trong khu công nghiệp Trà Nóc	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m, riêng đoạn đi trong khu công nghiệp lộ giới lấy theo mặt cắt ngang theo quy hoạch của khu công nghiệp
9	Đường tỉnh 920C	Giao với quốc lộ 91 (quận Ô Môn)	Giao với đường tỉnh 920 hiện hữu (quận Ô Môn)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
10	Đường tỉnh 920D	Giao với quốc lộ 91 và đường Đặng Thanh Sử (quận Ô Môn)	Giao với quốc lộ 91 và đường dẫn vào cầu Tân Lộc (quận Thốt Nốt)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
11	Đường tỉnh 921	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Cờ Đỏ)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
12	Đường tỉnh 921E	Giao với tuyến tránh Thốt Nốt (quận Thốt Nốt)	Giao với đường tỉnh 916 (huyện Cờ Đỏ)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
13	Đường tỉnh 922	Giao với quốc lộ 91 (quận Ô Môn)	Huyện Thới Lai	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
14	Đường tỉnh 922C	Giao với quốc lộ 91B (quận Bình Thủy)	Huyện Cờ Đỏ	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
15	Đường tỉnh 923	Giao với đường 3 tháng 2 (quận Ninh Kiều)	Giao với quốc lộ 91 (quận Ô Môn)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
16	Đường tỉnh 926	Cầu Tây Đô (huyện Phong Điền)	Ranh giới tỉnh Hậu Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Phong Điền)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
17	Đường tỉnh 932	Giao với đường dẫn cầu Vàm Xáng, huyện Phong Điền	Ranh giới tỉnh Hậu Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Phong Điền)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
18	Đường tỉnh 916	Ranh giới tỉnh An Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Vĩnh Thạnh)	Giao với đường tỉnh 919 (huyện Cờ Đỏ)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
19	Đường tỉnh 919B	Giao với quốc lộ 80 (huyện Vĩnh Thạnh)	Giao đường tỉnh 926 (tỉnh Hậu Giang)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
20	Đường tỉnh 921B	Giao với quốc lộ 91, (quận Thốt Nốt)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Vĩnh Thạnh)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
21	Đường tỉnh 921C	Huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
22	Đường tỉnh 921D	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Giao với đường tỉnh 919B (huyện Cờ Đỏ)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
23	Đường tỉnh 922B	Giao với quốc lộ 91, (quận Ô Môn)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
24	Đường tỉnh 922D	Giao đường tỉnh 922, (huyện Thới Lai)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
25	Đường tỉnh 922E	Giao với đường tỉnh 922 (huyện Thới Lai)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
III	Đường vành đai thành phố, đường trục chính đô thị			
1	Đường vành đai phía Tây thành phố (Đường vành đai 1)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 80 m
2	Đường Hẻm 91	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 40 m
3	Trục đường đô thị 1A (trùng với hướng tuyến đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và đường sắt TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ)	Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 105 m
4	Đường nối đường Võ Nguyên Giáp - đường Vành đai phía Tây - Đường tỉnh 925 (tỉnh Hậu Giang)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 40 m
5	Đường Trần Hoàng Na	Giao với quốc lộ 91B (quận Bình Thủy)		Đường trục chính đô thị, lộ giới từ 20 m - 28 m - 40 m
6	Đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)	Giao với quốc lộ 80 (huyện Vĩnh Thạnh)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 80 m
7	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn Mỹ Khánh - Phong Điền - Tân Thới)	Nối tiếp đường Nguyễn Văn Cừ hiện hữu (huyện Phong Điền)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 34 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
8	Đường Phạm Hùng	Cầu Cái Răng (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 40 m

B. CÔNG TRÌNH NÚT GIAO THÔNG, CẦU, HÀM QUY MÔ LỚN, TRỌNG ĐIỂM

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
I	Nút giao đường tỉnh với đường cao tốc	
1	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Tuyến quốc lộ 91 tránh Long Xuyên	Khác mức liên thông
2	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và đường tỉnh 919	Khác mức liên thông
3	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và đường vành đai phía Tây (QL91 - Lộ Tẻ - Rạch Sỏi - QL80)	Khác mức liên thông
4	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)	Khác mức liên thông
5	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Khác mức liên thông
6	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Cao tốc Lộ Tẻ Rạch Sỏi	Khác mức liên thông
7	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và đường tỉnh 921E	Khác mức liên thông
8	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	Khác mức liên thông
9	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và đường tỉnh 917B	Khác mức liên thông
10	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và đường vành đai phía Tây thành phố (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến quốc lộ 61C)	Khác mức liên thông
II	Kết nối liên thông với các quốc lộ, đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị	
1	Các nút giao trọng điểm trên địa bàn quận Ninh Kiều	Khác mức liên thông
2	Nút giao giữa quốc lộ 1 và đường Võ Nguyên Giáp IC3	Khác mức liên thông

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
3	Nút giao IC4 của quốc lộ 1	Khác mức liên thông
4	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và quốc lộ 61C	Khác mức liên thông
5	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
6	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 918B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
7	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 917C	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
8	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 917B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
9	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	Khác mức liên thông
10	Nút giao giữa Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang) và đường tỉnh 920D	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
11	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và đường Võ Văn Kiệt	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
12	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và quốc lộ 91B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
13	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và đường vành đai phía Tây	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
14	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và quốc lộ 91B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
15	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và đường tỉnh 923	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
16	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
17	Nút giao giữa đường tỉnh 917B và quốc lộ 91B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
18	Nút giao giữa đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2) và quốc lộ 61C	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
19	Nút giao giữa đường vành đai 2 và đường tỉnh 917B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
20	Nút giao giữa đường vành đai 2 và tuyến Đồng Tháp - Cần Thơ - Kiên Giang	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
III	Công trình cầu, hầm quy mô lớn, trọng điểm	

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
1	Cầu Ô Môn (bắc qua sông Hậu kết nối Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	4 - 6 làn xe
2	Cầu Cần Thơ 2 (bắc qua sông Hậu kết nối đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ và đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau)	4 - 6 làn xe
3	Cầu đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ (bắc qua sông Hậu kết nối đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ)	Đường đôi, khổ 1435 mm
4	Cầu hoặc hầm Xóm Chài (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đến khu vực Xóm Chài quận Cái Răng)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
5	Cầu kết nối cồn Cái Khế quận Ninh Kiều và cồn Ấu quận Cái Răng (bắc qua sông Cần Thơ kết nối đến Cồn Ấu)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
6	Cầu kết nối đường Trần Phú và Cồn Khương, quận Ninh Kiều (bắc qua rạch Khai Luông, kết nối đến Cồn Khương)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
7	Cầu hoặc hầm vượt sông kết nối từ đường Mậu Thân (cấp bên chợ Xuân Khánh) quận Ninh Kiều, bắc qua sông Cần Thơ	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
8	Cầu nối từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Cồn Khương, quận Bình Thủy (bắc qua rạch Khai Luông kết nối đến khu đô thị mới Cồn Khương thuộc phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
9	Cầu qua cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt (bắc qua sông Hậu kết nối đến cù lao Tân Lộc thuộc phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt)	4 - 6 làn xe
10	Cầu Cái Răng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ kết nối đường Phạm Hùng với Đường 3/2 và Đường 30/4, phục vụ kết nối dải trung tâm đô thị mới, thương mại, dịch vụ Cái Răng với trung tâm đô thị hiện hữu quận Ninh Kiều)	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên
11	Cầu Hưng Lợi đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Nguyễn Văn Linh - quốc lộ 91B)	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên
12	Cầu Trần Hoàng Na đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Trần Hoàng Na nối dài)	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên
13	Cầu Ba Láng đơn nguyên 2: bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường vành đai phía tây và quốc lộ 61C	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên

C. DANH MỤC CÔNG TRÌNH BẾN XE KHÁCH, BẾN, BÃI ĐỖ XE VÀ GIAO THÔNG THÔNG MINH

STT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
I	Bến xe khách	
1	Bến xe khách Cờ Đỏ	Giai đoạn trước năm 2030 xây dựng Bến xe khách loại 4 diện tích khoảng 1 ha, sau năm 2030 mở rộng, nâng cấp thành Bến xe khách loại 1 kết hợp bãi đỗ xe hàng diện tích khoảng 10 ha tại huyện Cờ Đỏ
2	Bến xe khách phía Tây thành phố Cần Thơ	Bến xe khách loại 1 kết hợp bãi đỗ xe hàng diện tích khoảng 10 ha, tại huyện Vĩnh Thạnh
II	Bãi đỗ xe công cộng lớn	
1	Các bãi đỗ xe công cộng lớn theo hình thức cao tầng, ngầm hoặc trên mặt đất	Quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến 5 ha tại quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh
2	Các bãi đỗ xe buýt	Quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến 5 ha tại quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh
III	Giao thông thông minh	
1	Trung tâm quản lý giao thông đô thị	Quy mô diện tích khoảng từ 1 ha đến 2 ha.
2	Hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh	Quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh

Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

Phụ lục II
DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Tên đường thủy nội địa	Phạm vi trên địa phận thành phố Cần Thơ	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật quy hoạch dự kiến
Các tuyến lớn, trọng điểm do cấp thành phố quản lý				
1	Sông Ba Láng	Điểm đầu tại sông Cần Thơ (Vàm Ba Láng), điểm cuối tại kênh Trầu Hôi (quận Cái Răng)	3	IV
2	Rạch Phong Điền (sông Cần Thơ)	Điểm đầu từ ngã ba Vàm Xáng, điểm cuối tại rạch Cầu Nhiễm	6	IV
3	Rạch Cầu Nhiễm	Điểm đầu tại ngã 3 rạch Cầu Nhiễm (huyện Phong Điền), điểm cuối tại thị trấn Thới Lai	14	V
4	Sông Trà Nóc	Điểm đầu tại sông Hậu (quận Bình Thủy), điểm cuối tại sông Cần Thơ (quận Ô Môn)	9	V
5	Kênh Thốt Nốt	Điểm đầu tại sông Hậu (quận Thốt Nốt), điểm cuối tại kênh ranh Hạc Kiên Giang	28	III
6	Kênh Xáng Ô Môn (kênh Bà Đầm)	Điểm đầu tại sông Ô Môn (huyện Thới Lai), điểm cuối tại kênh ranh Hạc Kiên Giang	14	V
7	Kênh KH8	Điểm đầu tại sông Cần Thơ, điểm cuối tại ranh tỉnh Kiên Giang	22	VI

STT	Tên đường thủy nội địa	Phạm vi trên địa phận thành phố Cần Thơ	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật quy hoạch dự kiến
8	Kênh Bôn Tổng	Điểm đầu tại kênh Cái Sắn, điểm cuối tại kênh Thốt Nốt	15	VI
9	Kênh Đứng	Điểm đầu tại sông Ô Môn, điểm cuối tại kênh Thốt Nốt	14	V
10	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa lớn quan trọng của thành phố và nạo vét, duy tu, mở rộng các tuyến đường thủy nội địa còn lại để tăng cường vai trò vận tải thủy trên địa bàn các quận, huyện			

Ghi chú: Các tuyến đường thủy nội địa do Trung ương quản lý thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

B. CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
I	Hệ thống cảng thủy nội địa hàng hóa lớn, trọng điểm	
1	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Hậu	Quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt
2	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Xà No	Huyện Phong Điền
3	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Cái Sắn (kênh Rạch Sỏi Hậu Giang)	Quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh
4	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Sông Ô Môn (sông Ô Môn)	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai
5	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Thị Đội - Ô Môn	Huyện Thới Lai
6	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt, huyện Cờ Đỏ
II	Cảng thủy nội địa hành khách lớn, trọng điểm	

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
	Các cảng thủy nội địa hành khách trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác	Quận Ninh Kiều, quận Cái Răng, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền
III	Các tuyến buýt đường thủy	
	Cụm cảng, bến, các điểm dừng đón trả khách của các tuyến buýt đường thủy trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác	Quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án bến, cảng thủy nội địa trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục III
DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG HÀNG HẢI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LUỒNG TÀU BIỂN

STT	Tên luồng	Cấp kỹ thuật dự kiến
1	Luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu (kênh Quan Chánh Bó)	Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Luồng hàng hải Định An - Cần Thơ	Bảo đảm chuẩn tắc luồng hàng hải cho tàu có trọng tải từ 10.000 tấn trở lên ra vào các cảng biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ

B. CẢNG BIỂN CẦN THƠ

STT	Tên Cảng biển	Chức năng	Cỡ tàu dự kiến
1	Khu bến Cái Cui	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hợp tiếp chuyển hàng cho Vương quốc Cam pu chia theo tuyến sông Hậu; có bến tổng hợp, container	Trọng tải đến 20.000 tấn
2	Khu bến Hoàng Diệu, Bình Thủy	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ và vùng phụ cận; có bến tổng hợp, container, hàng lỏng/khí	Trọng tải đến 20.000 tấn
3	Khu bến Trà Nóc, Ô Môn	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ; có các bến tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí	Trọng tải đến 20.000 tấn
4	Bến cảng Thốt Nốt	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ; có bến tổng hợp, container	Trọng tải đến 20.000 tấn
5	Bến cảng khách quốc tế Cần Thơ	Phục vụ tuyến khách quốc tế, tuyến từ bờ ra đảo, tuyến du lịch nội địa, tuyến buýt đường thủy, du thuyền, nhà hàng nổi; kết hợp với khai thác các tàu chở hàng sạch bảo đảm vệ sinh môi trường	Tàu khách đến 20.000 GT, tàu tổng hợp hàng hóa đến 10.000 tấn

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án cầu cảng, bến cảng biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

C. TRUNG TÂM LOGISTICS TẠI CÁC CẢNG BIỂN

STT	Trung tâm Logistics	Quy mô, vị trí dự kiến
1	Trung tâm logistics tại cảng Cái Cui	Quy mô diện tích khoảng 100 ha tại quận Cái Răng
2	Trung tâm logistics tại bến cảng Thốt Nốt	Quy mô diện tích khoảng 40 ha, tại quận Thốt Nốt. Tùy theo tình hình xây dựng phát triển và nhu cầu thông quan hàng hóa, dự kiến mở rộng quy mô diện tích khoảng 100 ha trở lên, tại quận Thốt Nốt và huyện Vĩnh Thạnh

Ghi chú: Quy mô, diện tích đất sử dụng các trung tâm logistics được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.

D. HỆ THỐNG CẢNG CẠN

STT	Quy mô, vị trí dự kiến
	Quy hoạch cảng cạn tiềm năng tại các khu công nghiệp Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh, khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai và các khu công nghiệp khác trên địa bàn thành phố, kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ và cảng biển Cần Thơ, quy mô diện tích khoảng 15 ha trở lên

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án cảng cạn phải phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

Phụ lục IV
DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CẦN THƠ

STT	Quy mô dự kiến
1	Giai đoạn trước năm 2030: Xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và xây dựng các công trình thiết yếu của Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ hiện hữu diện tích khoảng 388,9 ha, công suất dự kiến 7 triệu hành khách/năm.
2	Giai đoạn sau năm 2030: Xây dựng mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đạt tổng diện tích quy hoạch khoảng 728,9 ha, xây dựng mới thêm 01 khu hàng không dân dụng và 01 đường cất hạ cánh, công suất dự kiến 12 triệu hành khách/năm.

II. TRUNG TÂM LOGISTICS CHUYÊN DỤNG HÀNG KHÔNG

STT	Quy mô dự kiến
	Xây dựng Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không kết nối với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, quy mô diện tích khoảng 50 ha - 100 ha tại quận Bình Thủy

III. SÂN BAY VÀ VÙNG NƯỚC TIỀM NĂNG DÀNH CHO THỦY PHI CƠ

STT	Vị trí dự kiến
	Phát triển các sân bay và vùng nước dành cho thủy phi cơ trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt.

Ghi chú: Xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục V
DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

STT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
1	Tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Đoạn tuyến qua địa bàn thành phố Cần Thơ dài khoảng 8 km, tại quận Cái Răng
2	Nhà ga Cần Thơ	Diện tích khoảng 60 ha trở lên, tại quận Cái Răng
3	Quỹ đất dự kiến phát triển đô thị gắn với nhà ga, đường sắt Cần Thơ	Diện tích khoảng 1.000 ha, tại quận Cái Răng
4	Quỹ đất dự kiến phát triển logistics gắn với nhà ga Cần Thơ	Diện tích khoảng 50 ha trở lên, tại quận Cái Răng

II. ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo đường vành đai phía Tây thành phố	Quận Cái Răng	Huyện Vĩnh Thạnh
2	Tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo quốc lộ 91	Quận Ninh Kiều	Quận Thốt Nốt
3	Tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo quốc lộ 91B và quốc lộ Nam Sông Hậu	Quận Cái Răng	Quận Ô Môn
4	Phát triển các tuyến xe điện đi trên mặt đất trên các tuyến đường đô thị khi đủ điều kiện cho phép	Các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt	Các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt

Ghi chú: Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN THÀNH PHỐ CẦN
THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HỆ THỐNG NGUỒN ĐIỆN⁽¹⁾

STT	Tên nhà máy	Vị trí dự kiến	Công suất dự kiến
I	Các dự án trong quy hoạch Điện VIII		
1	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I	Quận Ô Môn	660 MW
2	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn II	Quận Ô Môn	1050 MW
3	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III	Quận Ô Môn	1050 MW
4	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV	Quận Ô Môn	1050 MW
5	Đường ống dẫn khí đến các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố	Các quận, huyện	
II	Các khu vực có nguồn điện tiềm năng tái tạo và nguồn điện khác		
6	Điện mặt trời mái nhà	Các quận, huyện	793 MW
7	Điện mặt trời mặt nước	Các quận, huyện	859 MW
8	Điện mặt trời mặt đất	Các quận, huyện	150 MW
9	Điện rác	Các quận, huyện	16,53 MW
10	Điện khí sinh học	Các quận, huyện	6,95MW
11	Dự án sản xuất hydrogen và kho cảng LNG (150ha)	Quận Ô Môn	
12	Điện mặt trời mặt đất và điện mặt trời mái nhà trong khu công nghiệp	Huyện Vĩnh Thạnh	399MWp

B. XÂY MỚI, CẢI TẠO NÂNG CẤP CÁC TRẠM BIẾN ÁP 500KV, 220KV, THỜI KỲ 2021 - 2030

TT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
1	500 kV	Trạm biến áp Thốt Nốt, xây mới	1800MVA
2	500 kV	Trạm biến áp Ô Môn, cải tạo, nâng công suất	1800MVA
3	220 kV	Trạm biến áp Cần Thơ, cải tạo, nâng công suất	500MVA
4	220 kV	Trạm biến áp Ô Môn, cải tạo, nâng công suất	500MVA
5	220 kV	Trạm biến áp Thốt Nốt, cải tạo, nâng công suất	375MVA
6	220 kV	Trạm biến áp Trà Nóc, cải tạo, nâng công suất	500MVA
7	220 kV	Trạm biến áp Vĩnh Thạnh, xây mới và đường dây đầu nối	500MVA

C. XÂY MỚI, CẢI TẠO NÂNG CẤP CÁC TRẠM BIẾN ÁP 110KV, THỜI KỲ 2021 - 2030

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
Nâng cấp			
1	110 kV	Trạm 110/22 kV Cần Thơ	(3x63) MVA
2	110 kV	Trạm 110/22 kV Hưng Phú	(2x63) MVA
3	110 kV	Trạm 110/22 kV Long Hòa	(2x63) MVA
4	110 kV	Trạm 110/22 kV Bình Thủy	(2x63) MVA
5	110 kV	Trạm 110/22 kV Khu CN Cần Thơ	(3x63) MVA
6	110 kV	Trạm 110/22 kV Thốt Nốt	(3x63) MVA
7	110 kV	Trạm 110/22 kV Thới Thuận	(2x63) MVA
8	110 kV	Trạm 110/22 kV Vĩnh Thạnh	(2x63) MVA
9	110 kV	Trạm 110/22 kV Thới Lai	(2x63) MVA
Xây mới			
1	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Phong Điền và đường dây đầu nối	40 MVA + 40 MVA
2	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Cái Răng và đường dây đầu nối	63 MVA+63 MVA
3	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Cờ Đỏ và đường dây 110kV đầu nối	40 MVA + 40 MVA
4	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Long Hưng và đường dây 110kV đầu nối	40 MVA + 40 MVA

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
5	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Thuận An và đường dây 110kV đấu nối	40 MVA + 40 MVA
6	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Tân Phú và đường dây 110 kV đấu nối	40 MVA + 40 MVA
7	110 kV	Trạm 110 kV Phước Thới và đường dây đấu nối	40 MVA + 40 MVA
8	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T1 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
9	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T2 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
10	110kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T3 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
11	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T4 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
12	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T5 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
13	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T6 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
14	110 kV	Trạm 110 kV Ô Môn và đường dây đấu nối	(1+1)x63 MVA
15	110 kV	Trạm 110 kV Ninh Kiều	1x63 MVA

D. XÂY DỰNG MỚI ĐƯỜNG DÂY 500KV

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
1	500 kV	Đường dây 500 kV Thốt Nốt - Đức Hòa	2x135
2	500 kV	Đường dây 500 kV Ô Môn - Thốt Nốt	2x35

E. DANH MỤC CÁC ĐƯỜNG DÂY 220 KV XÂY MỚI VÀ CẢI TẠO ĐƯA VÀO VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

STT	Loại	Tên	Số mạch x km
1	220 kV	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò, xây mới	2x22

STT	Loại	Tên	Số mạch x km
2	220 kV	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2), đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của đường dây 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long	2x1
3	220 kV	Châu Thành (Hậu Giang) - Rẽ Ô Môn - Sóc Trăng, xây mới	4x2
4	220 kV	Điện gió Long Mỹ 1 - Rẽ nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn, xây mới, đồng bộ điện gió Long Mỹ 1	2x1
5	220 kV	Long Xuyên - Rẽ nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn, xây mới, đồng bộ điện gió Long Mỹ 1 chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của đường dây 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long, Cái Răng, Ninh Kiều.	2x1

G. XÂY DỰNG MỚI ĐƯỜNG DÂY 110KV

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
	110 kV	Đường dây 110 kV Trà Nóc - Bình Thủy	

Ghi chú:

- Ngoài các nội dung về hạ tầng điện đã được cập nhật vào các biểu, bảng trong phương án phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong thời gian tới, thành phố Cần Thơ tiếp tục phát triển các nguồn điện tại Trung tâm nhiệt điện Ô Môn, năng lượng hydrogen, điện mặt trời, điện sinh khối,... cập nhật vào Quy hoạch tích hợp của thành phố theo phương án phát triển điện quốc gia.

- Hạ tầng cấp điện thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc đầu tư, quy mô, số lượng các dự án phát triển nguồn điện, các trạm biến áp, các tuyến đường dây trên địa bàn phải phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VII
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên dự án dự kiến	Quy mô dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Trung tâm bưu chính vùng	20 ha	Quận Bình Thủy
2	Trung tâm dữ liệu vùng	50 ha	Quận Cái Răng

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình thông tin truyền thông sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục VIII
DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO

STT	Tên dự án	Vị trí dự kiến
1	Đầu tư dự án kè chống sạt lở	Các quận, huyện
2	Đầu tư dự án Kè sông Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Đầu tư dự án Kè rạch Cái Sơn - Mương Khai	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
4	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh rạch: rạch Bà Bộ, rạch Đầu Sáu, rạch Hàng Bàng và rạch nhánh Hàng Bàng, rạch Mương Củi, Xẻo Nhum, Ngã Bát và Mương Lộ (91B), rạch Ông Tà, Xẻo Lá, Cây Me, Ông Đạo, Từ Hổ, Bà Lễ, Xẻo Dón và Rạch Sao	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
5	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 1	Các quận, huyện
6	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 2	Các quận, huyện
7	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 3 và thủy lợi nội đồng	Các quận, huyện
8	Đầu tư hệ thống cống, trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp	Các quận, huyện
9	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái - Tuyến Ông Hào, Trà Éch xã Trường Long, huyện Phong Điền	Huyện Phong Điền
10	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái - Tuyến Xẻo Lá - Năm Tụ - Cây Cẩm áp Trường Khương A, Trường Phú, Trường Phú B, xã Trường Long, huyện Phong Điền	Huyện Phong Điền
11	Kè phòng, chống biến đổi khí hậu dọc sông Hậu - thành phố ven sông	Các quận, huyện
12	Kè phòng, chống biến đổi khí hậu dọc sông Cái Sắn	Các quận, huyện
13	Kè phòng, chống biến đổi khí hậu dọc sông Cần Thơ	Các quận, huyện

B. HỆ THỐNG CỐNG, TRẠM BƠM CẦN NÂNG CẤP, BỔ SUNG

STT	Tên cống	Vị trí dự kiến
1	Cống âu thuyền rạch Cái Khế	Quận Ninh Kiều
2	Cống ngăn triều rạch Đầu Sáu	Quận Ninh Kiều
3	Cống âu thuyền rạch Hàng Bàng	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
4	Cống ngăn triều Rạch Sao	Quận Bình Thủy
5	Cống ngăn triều Rạch Ranh	Quận Bình Thủy
6	Cống ngăn triều Rạch Súc	Quận Bình Thủy
7	Cống ngăn triều Rạch Nước Lạnh	Quận Bình Thủy
8	Cống ngăn triều Rạch Phó Thọ	Quận Bình Thủy
9	Cống ngăn triều Rạch Cây Dừa	Quận Bình Thủy
10	Cống ngăn triều Rạch Bà Lễ	Quận Ninh Kiều
11	Cống ngăn triều Rạch Trần Ngọc Quế	Quận Ninh Kiều
12	Cống ngăn triều Rạch Tham Tướng	Quận Ninh Kiều
13	Rạch Cái Khế	Quận Ninh Kiều
14	Rạch Hàng Bàng	Quận Ninh Kiều
15	Trạm bơm Rạch Cái Khế	Quận Ninh Kiều
16	Trạm bơm Rạch Đầu Sáu	Quận Ninh Kiều
17	Trạm bơm cầu Ninh Kiều	Quận Ninh Kiều
18	Trạm bơm đường Châu Văn Liêm	
19	Trạm bơm Tham Tướng	Quận Ninh Kiều

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi của thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục IX
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. BIỂU 1

TT	Nhà máy nước	Nguồn nước thô	Công suất hiện tại (m³/ngđ)	Công suất dự kiến năm 2030 (m³/ngđ)	Khu vực cấp nước
1	Cần Thơ 1	Sông Cần Thơ	55.000	80.000	Quận Ninh Kiều và bổ sung công suất khu đô thị Nam Cần Thơ
2	Cần Thơ 2	Sông Hậu	52.500	97.500	Quận Bình Thủy, bổ sung công suất cho khu đô thị Trà Nóc và trung tâm quận Ô Môn
3	Long Hòa	Sông Bình Thủy	-	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Quận Bình Thủy
4	Trà Nóc	Sông Hậu	20.000	40.000	Khu công nghiệp Trà Nóc và một phần khu đô thị Trà Nóc
5	Ô Môn 1	Sông Ô Môn	2.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	
6	Ô Môn 2	Sông Hậu	-	100.000	Quận Ô Môn, thị trấn Thới Lai và các quận trung tâm thành phố
7	Hưng Phú	Sông Hậu	10.000	40.000	Khu dân cư và khu công nghiệp Hưng Phú, quận Cái Răng

TT	Nhà máy nước	Nguồn nước thô	Công suất hiện tại (m ³ /ngđ)	Công suất dự kiến năm 2030 (m ³ /ngđ)	Khu vực cấp nước
8	Ba Láng	Sông Ba Láng	7.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Quận Cái Răng
9	Bông Vang	Sông Cần Thơ	10.000	15.000	Thị trấn Phong Điền và khu đô thị sinh thái vườn (huyện Phong Điền)
10	Thốt Nốt 1	Sông Hậu	10.000	20.000	Quận Thốt Nốt, thị trấn Vĩnh Thạnh, thị trấn Thạnh An của huyện Vĩnh Thạnh.
11	Thốt Nốt 2	Sông Hậu	-	100.000	
12	Vĩnh Thạnh	Sông Cái Sắn	3.200	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Huyện Vĩnh Thạnh và Thị trấn Thạnh An
13	Thạnh An	Sông Cái Sắn	720	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	
14	Thới Lai	Sông Ô Môn	2.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Thị trấn Thới Lai
15	Cờ Đỏ	Kênh Thốt Nốt	3.000	5.000	Thị trấn Thới Lai
16	Nhà máy nước Sài Gòn - Mê Công	Sông Hậu	50.000	50.000	Quận Bình Thủy
17	Các trạm cấp nước nông thôn thuộc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi	Nước dưới đất	30.164	Tối đa 30.164	Các quận, huyện trên địa bàn thành phố

TT	Nhà máy nước	Nguồn nước thô	Công suất hiện tại (m ³ /ngđ)	Công suất dự kiến năm 2030 (m ³ /ngđ)	Khu vực cấp nước
	trường nông thôn				
TỔNG LƯU LƯỢNG CẤP NƯỚC			204.584	507.500	

B. BIỂU 2

STT	Tên dự án dự kiến	Mô tả dự án (dự kiến quy mô, công suất)	Vị trí dự kiến
1	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh	Nâng cấp hệ thống công trình cấp nước tập trung. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Vĩnh Thạnh
2	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước mặt. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Cờ Đỏ
3	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước mặt. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Thới Lai
4	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước mặt. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Phong Điền
5	Dự án đầu tư các hệ thống giám sát khai thác nước tại các hệ thống cấp nước nông thôn	Triển khai thực hiện đầu tư, kết nối, truyền dữ liệu quan trắc về khai thác nước (lưu lượng, chất lượng nước) theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT	Các quận, huyện
6	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt	Công suất 20.000 m ³ /ngày đêm trở lên	Các quận, huyện
7	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống đường kính từ D90 mm đến D600 mm	Các quận, huyện

STT	Tên dự án	Mô tả dự án	Vị trí
8	Đầu tư các công trình cấp nước/xử lý nước quy mô hộ gia đình	Cấp nước sạch cho các hộ dân sống phân tán, nhỏ lẻ, nơi mà các tuyến ống cấp nước tập trung không thể kéo mạng đường ống để cung cấp nước	Các huyện

Ghi chú:

- Các công trình cấp, thoát nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Quy mô dự kiến
	Khu xử lý Thới Lai, huyện Thới Lai	60 ha (đã quy hoạch 120 ha)

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
A	LĨNH VỰC VĂN HÓA	
1	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Khám Lớn Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
2	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Địa điểm khảo cổ học Nhơn Thành	Huyện Phong Điền
3	Mở rộng di tích lịch sử Cơ quan Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng Hậu Giang (1929 - 1930)	Quận Bình Thủy
4	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Địa điểm căn cứ Huyện Ủy Ô Môn (1971 - 1975) (Căn Cú Lò Mo)	Huyện Thới Lai
5	Mở rộng Di tích lịch sử Mộ nhà thơ Phan Văn Trị	Huyện Phong Điền
6	Nhà hát thành phố	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
7	Bảo tàng văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
8	Khu lưu niệm các danh nhân	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
9	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Vĩnh Trinh	Huyện Vĩnh Thạnh
10	Thảo cầm viên	Quận Thốt Nốt/các huyện trên địa bàn thành phố
11	Bảo tàng/Trung tâm triển lãm/Rạp chiếu phim/Nhà hát	Các quận, huyện trên địa bàn thành phố
12	Cải tạo, sửa chữa Nhà hát Tây Đô	Quận Ninh Kiều

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
13	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Cái Răng	Quận Cái Răng
14	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Bình Thủy	Quận Bình Thủy
15	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Ô Môn	Quận Ô Môn
16	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt
17	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Thới Lai	Huyện Thới Lai
18	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ
19	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh
20	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phong Điền	Huyện Phong Điền
21	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Thủy	Quận Bình Thủy
22	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Chùa Nam Nhã	Quận Bình Thủy
23	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích nghệ thuật Chùa Long Quang	Quận Bình Thủy
24	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Chùa Hội Linh	Quận Bình Thủy
25	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Mộ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa	Quận Bình Thủy
26	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Thờ Họ Dương	Quận Bình Thủy
27	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa căn cứ Ban Chỉ huy Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Cần Thơ (căn cứ Vườn Mận)	Quận Bình Thủy
28	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Nhà Lồng Chợ Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
29	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Hòa tại Đền thờ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	Quận Ninh Kiều

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
30	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Quận Ninh Kiều
31	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Ông (Quảng Triệu Hội Quán)	Quận Ninh Kiều
32	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Hiệp Thiên Cung	Quận Cái Răng
33	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa địa điểm chiến thắng của Đội cảm tử - Quốc gia tự vệ cuộc tỉnh Cần Thơ năm 1945 (Trận Lê Bình)	Quận Cái Răng
34	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Thường Thạnh	Quận Cái Răng
35	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm chiến thắng của Tiểu đoàn Tây Đô tại rạch Ông Cừu năm 1968	Quận Cái Răng
36	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thạnh Hòa	Quận Thốt Nốt
37	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Thuận Hưng	Quận Thốt Nốt
38	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Tân Lộc Đông	Quận Thốt Nốt
39	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Thuận	Quận Thốt Nốt
40	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Mộ Soạn Giả Mộc Quán - Nguyễn Trọng Quyền	Quận Thốt Nốt
41	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Thất Phủ Võ Miếu	Quận Thốt Nốt
42	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Thới An	Quận Ô Môn
43	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Chùa Pôthi Somrôn	Quận Ô Môn
44	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Linh Sơn Cổ Miếu	Quận Ô Môn
45	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Chùa Cảm Thiên Đại Đế	Quận Ô Môn

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
46	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Phú Luông	Quận Ô Môn
47	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm chuyển quân, Trạm quân y tiền phương và nơi cất giấu vũ khí thuộc Lộ Vòng Cung Cần Thơ trong kháng chiến chống Mỹ	Huyện Phong Điền
48	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa chiến thắng Ông Hào	Huyện Phong Điền
49	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích Lịch sử Giàn Gừa	Huyện Phong Điền
50	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm đế quốc Mỹ thăm sát đồng bào vô tội tại Cầu Nhiễm năm 1966	Huyện Phong Điền
51	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa địa điểm chiến thắng Ông Đưa năm 1960	Huyện Thới Lai
52	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng Sản Đảng Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ
53	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	Quận Ninh Kiều/ huyện Phong Điền
B	LĨNH VỰC THỂ THAO	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Khu liên hợp thể dục thể thao
2	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động Cần Thơ thành khu liên hợp dịch vụ, y tế - thể thao	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
3	Nhà tập luyện thi đấu nhiều môn tại khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
4	Cụm Sân thể thao ngoài trời và nhà phụ trợ tại khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
5	Trung tâm Thể dục thể thao	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
6	Khu nhà nghỉ vận động viên - huấn luyện viên	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
7	Xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ (khu B) tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, hạng mục Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao, sân tập bóng đá, sân điền kinh, hồ bơi.	Huyện Phong Điền
8	Hồ bơi trung tâm thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
9	Sân golf	Quận Cái Răng/ huyện Thới Lai
10	Khu phức hợp thể thao, giải trí	Quận Bình Thủy/ quận Ô Môn
11	Trường đua ngựa	Quận Bình Thủy/ quận Ô Môn/ huyện Thới Lai
12	Khu đua xe thể thao	Quận Bình Thủy/ quận Ô Môn
C	LĨNH VỰC DU LỊCH	
1	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Cù lao Tân Lộc	Quận Thốt Nốt
2	Khu du lịch sinh thái Phong Điền	Huyện Phong Điền
3	Khu du lịch cồn Sơn	Quận Bình Thủy
4	Khu du lịch Sông Hậu	Quận Ninh Kiều/ quận Ô Môn/ quận Thốt Nốt
5	Khu công viên nước cồn Cái Khế	Quận Ninh Kiều
6	Khu phố đi bộ Hai Bà Trưng	Quận Ninh Kiều
7	Khu phố đi bộ rạch Khai Luông	Quận Ninh Kiều
8	Khu du lịch Hưng Phú (cồn nổi)	Quận Cái Răng
9	Bến tàu du lịch tổng hợp	Quận Ninh Kiều/ quận Cái Răng/ quận Bình Thủy
10	Đầu tư xây dựng Tháp Du lịch Cồn Cái Khế	Quận Ninh Kiều

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
11	Tổ hợp khách sạn - Hội nghị Cần Thơ tiêu chuẩn cao cấp	Quận Ninh Kiều/quận Bình Thủy/quận Cái Răng
12	Trung tâm dịch vụ du lịch Tân Lộc	Quận Thốt Nốt
13	Khu du lịch sinh thái Tân Mỹ, phường Tân lộc	Quận Thốt Nốt
14	Xây dựng mô hình vườn du lịch nông nghiệp	Các huyện: Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh
15	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, vui chơi, giải trí....	Các huyện: Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh
16	Xây dựng các bến thuyền du lịch, bến du thuyền	Quận Thốt Nốt
17	Chợ nổi Cái Răng (đầu tư, phát triển)	Quận Cái Răng

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XII
DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ (CDC)	Quận Ninh Kiều
2	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Da liễu Cần thơ	Quận Ninh Kiều
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1,5 Tesla và máy giúp thở trẻ sơ sinh, trẻ em có chế độ HFO	Quận Ninh Kiều
4	Xây dựng khoa Khám bệnh - Thăm dò chức năng - Xét nghiệm và khoa Nội Tim mạch - Chẩn đoán hình ảnh và mua sắm Hệ thống chụp cắt lớp CT Scanner 128 lát cắt - Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
5	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Huyết học truyền máu Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
6	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
7	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
8	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Tâm Thần (cơ sở cũ) thành cơ sở 2 Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mất thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
9	Bệnh viện Quân dân y (Giai đoạn 2)	Huyện Cờ Đỏ
10	Xây dựng Trung tâm Ghép tủy tại Bệnh viện Huyết học - Truyền máu	Quận Ninh Kiều
11	Bệnh viện Tim mạch	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
12	Bệnh viện Mắt	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
13	Nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
14	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa thành phố	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
15	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần	Quận Ô Môn
16	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	Quận Ô Môn
17	Nâng cấp, cải tạo, mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
18	Bệnh viện Lão khoa - Nội Tiết	Huyện Phong Điền, Quận Ô Môn
19	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Quận Ô Môn
20	Trung tâm điều hành cấp cứu 115 và mạng lưới cấp cứu vệ tinh (thuộc Bệnh viện Đa khoa thành phố)	Quận Ninh Kiều
21	Khu điều trị Nội tổng hợp 2 tại Bệnh viện Đa khoa TP (dành cho đối tượng Ban Bảo vệ sức khỏe Thành ủy quản lý)	Quận Ninh Kiều
22	Nâng cấp Bệnh viện Ung bướu	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
23	Bệnh viện Tai Mũi Họng	Quận Ô Môn
24	Bệnh viện Da liễu	Quận Ô Môn
25	Nâng cấp Bệnh viện Y học Cổ truyền	Quận Ninh Kiều
26	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản	Quận Ninh Kiều
27	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	Quận Ô Môn
28	Ngân hàng lưu trữ tế bào gốc máu cuống rốn	Quận Ninh Kiều
29	Bệnh viện chuyên khoa nội tiết	Quận Bình Thủy, Quận Ô Môn
30	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Quận Bình Thủy, Quận Ô Môn
31	Nâng cấp mở rộng, mua sắm trang thiết bị y tế giai đoạn 2021 - 2025 Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
32	Trung tâm chăm sóc sức khỏe	Thành phố Cần Thơ

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XIII
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ để thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
2	Trường Chính trị thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Quận Bình Thủy
4	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giai đoạn 1 (5,7 ha) thuộc Trường đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Quận Bình Thủy
5	Đầu tư ngành nghề trọng điểm trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Quận Bình Thủy
6	Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Quận Bình Thủy
7	Nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ trở thành trường dạy nghề chất lượng cao	Quận Bình Thủy
8	Trường trung học phổ thông chuyên Lý Tự Trọng	Quận Cái Răng
9	Trường trung học phổ thông Tân Lộc	Quận Thốt Nốt
10	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	Quận Ô Môn
11	Trường Dạy trẻ khuyết tật	Quận Bình Thủy
12	Trường trung học phổ thông Thới Thuận	Quận Thốt Nốt
13	Cải tạo và mua sắm Trang thiết bị Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ cơ sở I	Quận Ninh Kiều
14	Khu giảng đường dây D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
15	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
16	Xây mới, nâng cấp trường lớp trên địa bàn các quận, huyện theo các cấp học	9 quận, huyện

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình giáo dục đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XIV
DANH MỤC DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	
1.1	Sàn giao dịch công nghệ	Huyện Phong Điền
1.2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của Trung tâm.	Quận Ninh Kiều
2	Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ	
2.1	Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
2.2	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Dự án “Đầu tư mở rộng cơ sở 2 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng”	Quận Cái Răng
4	Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn quốc: Dự án tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu phục vụ ươm tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc.	Quận Ô Môn
5	Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng tại thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều hoặc quận Cái Răng
6	Khu Công nghệ cao Cần Thơ	Quận Ô Môn
7	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp vùng	Quận Cái Răng hoặc quận Thốt Nốt

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
I	Các khu công nghiệp đã thành lập		
1	Khu công nghiệp Trà Nóc 1	Quận Bình Thủy	135,00
2	Khu công nghiệp Trà Nóc 2	Quận Ô Môn	155,00
3	Khu công nghiệp Hưng Phú 1	Quận Cái Răng	262,00
5	Khu công nghiệp Hưng Phú 2	Quận Cái Răng	67,00
6	Khu công nghiệp Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt	74,87
7	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	Huyện Vĩnh Thạnh	293,70
	Tổng cộng:		987,57
II	Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp		
1	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	Huyện Vĩnh Thạnh	606,30
2	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 2	Huyện Vĩnh Thạnh	519,00
3	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 3	Huyện Vĩnh Thạnh	675,45
4	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 4	Huyện Vĩnh Thạnh	815,00
5	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 5	Huyện Vĩnh Thạnh, huyện Cờ Đỏ, quận Thốt Nốt	2.550,00
6	Khu công nghiệp Cờ đỏ - Thới Lai	Huyện Cờ Đỏ và huyện Thới Lai	1.070,00
7	Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn	Quận Ô Môn	250
	Tổng cộng:		6.485,75
	Tổng diện tích (A+B)		7.473,32

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên	Vị trí dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Cụm công nghiệp Bình Thủy	Quận Bình Thủy	75 ha
2	Cụm công nghiệp Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ	75 ha
3	Cụm công nghiệp Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh	75 ha
4	Cụm công nghiệp Thới Lai	Huyện Thới Lai	75 ha

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU NÔNG NGHIỆP
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519 /QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Quy hoạch Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện hữu		
	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ (theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)	Huyện Cờ Đỏ	244
II	Quy hoạch mới		
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Tiến	Huyện Vĩnh Thạnh	64
2	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Lợi	Huyện Vĩnh Thạnh	459
3	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Quới	Huyện Vĩnh Thạnh	285
4	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Trường Xuân	Huyện Thới Lai	120
5	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Đông Thuận	Huyện Thới Lai	120
6	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thới Đông	Huyện Cờ Đỏ	373
III	Phát triển hạ tầng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		
1	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ	5.000
2	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Sông Hậu	Huyện Cờ Đỏ	6.500

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Ghi chú
1	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đô thị loại I Trung ương	Đô thị loại I Trung ương	Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I Trung ương với mô hình định hướng như sau: - 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt. - Thị xã Phong Điền. - Các huyện: Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh.
2	Thị xã Phong Điền	Thị xã Phong Điền		IV	Trên cơ sở hiện trạng địa giới hành chính huyện Phong Điền và một phần diện tích tự nhiên của các khu vực lân cận khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đảm bảo tiêu chuẩn thị xã.
3	Huyện Thới Lai	Thị trấn Thới Lai	V	IV	
4	Huyện Cờ Đỏ	Thị trấn Cờ Đỏ	V	IV	
5		Đô thị mới Trung An		V	Xã Trung An, huyện Cờ Đỏ thực hiện đầu tư và đánh giá phân loại đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại V khi đủ điều kiện.
6	Huyện Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh	V	IV	Có dự kiến điều chỉnh địa giới hành chính lân cận để mở rộng thị trấn đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
7		Thị trấn Thạnh An	V	IV	

Ghi chú:

- Căn cứ nguồn lực đầu tư phát triển, sau khi hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thực hiện công tác lập quy hoạch xây dựng để đầu tư phát triển đô thị đảm bảo hướng đến đô thị đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị hiện hành. Việc thực hiện đánh giá, nâng loại đô thị theo quy định pháp luật về phân loại đô thị hiện hành đối với hệ thống đơn vị hành chính đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng giai đoạn.

- Trong trường hợp các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thực hiện sắp xếp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tên và phạm vi các đô thị nêu trên sẽ thực hiện theo tên và phạm vi đơn vị hành chính được duyệt.

Phụ lục XIX
CHỈ TIÊU PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ ¹ (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		144.040	144.040		144.040
I	LOẠI ĐẤT					
1	Đất nông nghiệp	NNP	114.308	104.807	-20.267	84.540
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.755	74.319	-25.928	48.391
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78.755	74.319	-25.928	48.391
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30.793		28.000	28.000
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	29.712	39.233	20.267	59.500
2.1	Đất quốc phòng	CQP	845	844	0	844
2.2	Đất an ninh ²	CAN	65	76	103	179
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	475	2.350	5.123	7.473
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			300	300
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	412		1.636	1.636

¹ Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

² Theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ ¹ (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	659		1.411	1.411
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			413	413
2.8	Đất phát triển hạ tầng quốc gia, cấp tỉnh	DHT	9.707	12.517	983	13.500
-	Đất giao thông	DGT	3.661	5.651	1.349	7.000
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	55	191	109	300
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	88	145	155	300
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	571	1.299	0	1.299
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	39	143	157	300
-	Đất công trình năng lượng	DNL	210	244	100	344
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	37	57	8	65
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	8	13	0	13
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	18	41	19	60
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			150	150
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	60	176	109	285
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT			3.974	3.974
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			12.523	12.523
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC			350	350
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			100	100
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			0	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ ¹ (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON			148	148
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD			354	354
3	Đất chưa sử dụng	CSD	20	0	0	0
II	Khu chức năng					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN			200	200
2	Đất khu kinh tế	KKT				
3	Đất đô thị	KDT	59.310	59.310	29.655	88.965
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN			78.391	78.391
5	Khu lâm nghiệp	KLN			0	
6	Khu du lịch	KDL			720	720
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT			0	
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC			9.311	9.311
9	Khu đô thị	DTC			17.043	17.043
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM			2.776	2.776

Ghi chú:

- Diện tích khu chức năng không tính vào diện tích tự nhiên; diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác; diện tích đất phi nông nghiệp còn lại bao gồm các loại đất như đất sông, ngòi, kênh, rạch; đất có mặt nước chuyên dùng,... Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân thành phố chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu giữa các địa phương để phù hợp với nhu cầu sử dụng. Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các hạng mục công trình dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Đối với các công trình, dự án nằm trong chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất nhưng do quy mô diện tích nhỏ chưa được thể hiện cụ thể trong báo cáo thuyết minh tổng hợp và bản đồ phương án sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 thì được thể hiện chi tiết trong quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Phụ lục XX
PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt	A			
1	Toàn quận Ninh Kiều và các Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III của quận Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.				
2	Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước		Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	A6	
3	Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử văn hóa		Khu vực bảo vệ của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.	A7	Toàn bộ diện tích Khu vực bảo vệ của di tích lịch sử văn hóa
II	Vùng hạn chế phát thải	B			
1	Khu dân cư tập trung ở đô thị và các trung tâm huyện, xã		Các thị trấn (Thanh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền, Thới Lai) và trung tâm hành chính huyện, trung tâm xã ở toàn bộ các huyện được quy hoạch	B1	Các khu vực các thị trấn: Thanh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền, Thới Lai và

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
					các trung tâm hành chính 04 huyện, trung tâm xã
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước		Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	B2	
III	Vùng khác	C			
1	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng		Các khu công nghiệp, cảng ven sông Cần Thơ và sông Hậu; và ở các quận, huyện	C1	Toàn bộ diện tích các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng trên địa bàn thành phố Cần Thơ
2	Các vùng còn lại trên địa bàn thành phố không thuộc danh mục liệt kê tại các mục nêu trên.		Các vùng còn lại	C3	Diện tích còn lại

Ghi chú:

- Vị trí, ranh giới cụ thể của các khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vị trí chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện.

- Các khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục XXI
DANH SÁCH CÁC KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN ĐA DẠNG SINH HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại (1)	Vị trí dự kiến (2)
1	Khu vực đất dọc sông Hậu và sông Cần Thơ	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Ô Môn, quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, huyện Phong Điền
2	Khu vực Cồn Ấu, Cồn Khương, Cồn Cái Khế (quận Ninh Kiều), Cồn Sơn (quận Bình Thủy)	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
3	Khu vực Cù lao Tân Lộc	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Thốt Nốt
4	Vườn Cò Bằng Lăng	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Thốt Nốt
5	Khu vực đô thị sinh thái Cờ Đỏ	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Huyện Cờ Đỏ
6	Khu du lịch sinh thái tại Mỹ Khánh (huyện Phong Điền) và các Khu du lịch sinh thái tại quận Cái Răng, Ninh Kiều, Thốt Nốt	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Cái Răng, huyện Phong Điền, quận Ninh Kiều, quận Thốt Nốt
7	Toàn bộ khu vực các công viên trên địa bàn thành phố	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	09 quận, huyện của thành phố

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại (1)	Vị trí dự kiến (2)
8	Mảng xanh tại khu dân cư đô thị, khu công nghiệp và các hành lang xanh gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, cảnh quan (nếu có)	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	09 quận, huyện của thành phố
9	Các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hiện hữu và hình thành tương lai	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	09 quận, huyện của thành phố

Ghi chú:

- Các Khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(1) Phân loại các Khu bảo vệ cảnh quan theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: (i) Khu dự trữ thiên nhiên, Khu bảo vệ cảnh quan loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia; (ii) Khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh; (iii) Khu bảo vệ cảnh quan loài - sinh cảnh cấp tỉnh; (iv) Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh.

(2) Vị trí chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện.

Phụ lục XXII
DANH MỤC CƠ SỞ HỎA TÁNG, NHÀ TANG LỄ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đơn vị hành chính	Nghĩa trang	Nhà tang lễ	Phạm vi phục vụ	Ghi chú
1	Huyện Thới Lai	Công viên Nghĩa trang	Loại hình nghĩa trang hỗn hợp gồm đài hỏa táng, khu lưu tro, nhà tang lễ, các công trình tâm linh, có phân khu nhiều khu vực riêng để phục vụ theo tôn giáo, dân tộc	Phục vụ nhu cầu toàn thành phố	Xây mới, Quy mô: tối thiểu là 150 ha, tối đa 300 ha
2	Huyện Vĩnh Thạnh	Công viên Nghĩa trang	Loại hình nghĩa trang hỗn hợp phù hợp đặc điểm phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo		Xây mới, Quy mô: tối thiểu là 30 ha, tối đa 50 ha

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Khoanh vùng, đóng cửa (hoặc không hung táng) tại các nghĩa trang hiện có; duy trì các nghĩa trang hiện trạng đến khi lấp đầy; các nghĩa trang nhỏ, phân tán, không đủ khoảng cách ly, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, khi có nhu cầu sử dụng đất có thể di chuyển đến nghĩa trang tập trung; chỉnh trang và xây mới các nhà tang lễ theo các phân vùng để phục vụ nhu cầu sử dụng của nhân dân; nghĩa trang nông thôn thực hiện theo quy hoạch xây dựng.

Phụ lục XXIII
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THẨM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG
KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên mỏ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Ghi chú
Cát san lấp					
1	Trường Thọ	Phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt	40	504.000	Đang khai thác và hết hạn khai thác vào ngày 20/3/2026
2	Thới An	Quận Ô Môn	49	625.000	Đang khai thác và hết hạn khai thác vào ngày 31/12/2023
3	Phước Lộc	Quận Thốt Nốt	24	784.000	Đang thực hiện thủ tục cấp phép
4	Tân Lộc	Quận Thốt Nốt	76	2.916.000	Đang thực hiện thủ tục cấp phép
5	Phú Thứ - Tân Phú	Phường Phú Thứ, Tân Phú, quận Cái Răng	33,8	480.000	Đấu giá CSL.QH10_CR
6	Tân Phú	Phường Tân Phú, quận Cái Răng	34,3	613.750	Đấu giá CSL.QH11_CR
7	Phước Lộc 2	Phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt	21	455.000	Đấu giá CSL.TN01_TN
8	Trà Nóc	Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, phường Phước Thới, quận Ô Môn	96	1.668.000	Đấu giá CSL.TN03_OM
	Cộng:			8.045.750	

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của bộ, sẽ căn cứ các Quy hoạch do Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

Phụ lục XXIV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2022 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án (dự kiến)
I	NĂNG LƯỢNG
1	Trung tâm điện lực Ô Môn
2	Đường ống dẫn khí Lô B
3	Nhà máy điện sinh khối
4	Điện rác
5	Điện mặt trời mái nhà và điện mặt trời mặt đất
6	Sản xuất hydrogen và kho cảng LNG
II	THƯƠNG MẠI
1	Khu thương mại dịch vụ du lịch vui chơi giải trí
2	Trung tâm thương mại dịch vụ và Chợ đầu mối nông, thủy sản đồng bằng sông Cửu Long
3	Chợ và Trung tâm thương mại dịch vụ Hưng Thạnh
4	Xây dựng mới hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại
5	Xây dựng trung tâm logistics hạng II gắn với cảng Cái Cui
6	Trung tâm logistics hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ
7	Trung tâm Hội chợ triển lãm Cần Thơ
III	HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP
1	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh
2	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 2
3	Khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai
4	Trung tâm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long
5	Cụm Công nghiệp Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thới Lai.
6	Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn
IV	HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ (theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án (dự kiến)
	về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)
2	Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ (theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)
3	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Trường Xuân
4	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Tiến
5	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Lợi
6	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Quới
7	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Đông Thuận
8	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thới Đông
9	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ
10	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Sông Hậu
11	Khu chăn nuôi tập trung xã Thới Hưng
12	Khu chăn nuôi tập trung xã Đông Bình
V	HẠ TẦNG CẤP NƯỚC - NGHĨA TRANG - THOÁT NƯỚC
1	Nâng công suất nhà máy cấp nước Thốt Nốt 1
2	Đầu tư xây dựng mới nhà máy cấp nước Thốt Nốt 2
3	Nâng công suất nhà máy cấp nước Hưng Phú
4	Công viên nghĩa trang
5	Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu 1, Cái Sâu 2 và hệ thống thu gom
6	Nhà máy xử lý nước thải Long Xuyên và hệ thống thu gom
7	Nhà máy xử lý nước thải Trà Nóc và hệ thống thu gom
8	Nhà máy xử lý nước thải Thốt Nốt và hệ thống thu gom
VI	HẠ TẦNG GIAO THÔNG
A	Quốc lộ, cao tốc
1	Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau
2	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng
3	Quốc lộ 91 (đoạn Km0 - Km7)
4	Tuyến nối quốc lộ 91 và tuyến tránh thành phố Long Xuyên (đoạn từ giao với tuyến tránh Thốt Nốt đến ranh giới thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang)
5	Quốc lộ 91B (đoạn từ nút giao IC3 đến ranh tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên dự án (dự kiến)
6	Quốc lộ 61C (đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ)
7	Quốc lộ 80 (đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ)
8	Quốc lộ 91B (đoạn từ giao với QL 91 đến giao với đường 3 tháng 2)
9	Đường kết nối quận Ô Môn với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
10	Cầu Cần Thơ 2 (bắc qua sông Hậu kết nối đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ và đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau)
11	Cầu Ô Môn (bắc qua sông Hậu kết nối với đường kết nối quận Ô Môn với huyện Thới Lai và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang)
B	Đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị
1	Đường tỉnh 920 (từ cầu Rạch Chôm đến giao với quốc lộ 91 tại phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt)
2	Đường tỉnh 920D
3	Đường tỉnh 917C (từ giao với đường tỉnh 920 đến giao với quốc lộ 91 và nối dài đến giao với đường tỉnh 923)
4	Đường tỉnh 917B (từ giao với đường tỉnh 917C nối dài đến giao với đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng)
5	Đường tỉnh 918B (từ giao với đường Võ Văn Kiệt đến giao với đường tỉnh 923 và nối dài đến điểm cuối tại ranh giới thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang)
6	Đường tỉnh 921E
7	Đường tỉnh 923 (từ thị trấn Phong Điền đến giao với quốc lộ 91)
8	Đường tỉnh 926
9	Đường tỉnh 932
10	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối quốc lộ 91 với quốc lộ 61C)
11	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối quốc lộ 61C đến đường Võ Nguyên Giáp)
12	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (đoạn đi trùng với quốc lộ 91)
13	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối quốc lộ 91 đến quốc lộ 80)
14	Đường Trần Hoàng Na nối dài (từ đường Nguyễn Văn Cừ đến quốc lộ 91B)
15	Đường Hẻm 91 (từ Long Tuyền đến giao với đường vành đai phía Tây thành phố và nối đến giao với đường tỉnh 923)

STT	Tên dự án (dự kiến)
16	Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn Mỹ Khánh - Phong Điền - Tân Thới)
17	Cải tạo mở rộng và xây dựng cầu vượt hoặc hầm chui 05 nút giao trọng điểm trên địa bàn quận Ninh Kiều
18	Cầu hoặc hầm Xóm Chài (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đến khu vực Xóm Chài quận Cái Răng)
19	Cầu hoặc hầm (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối từ đường Mậu Thân đến Trung tâm hành chính mới của thành phố tại quận Cái Răng)
20	Cầu qua cù lao Tân Lộc (bắc qua sông Hậu, kết nối từ quốc lộ 91 đến cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt)
21	Cầu Cái Răng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Phạm Hùng với Đường 3/2)
22	Cầu Hưng Lợi đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Nguyễn Văn Linh với quốc lộ 91B)
23	Cầu Trần Hoàng Na đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Trần Hoàng Na nối dài)
24	Cầu nối từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Cồn Khương, quận Bình Thủy (bắc qua rạch Khai Luông, kết nối đến khu đô thị mới Cồn Khương)
25	Cầu Ba Láng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường vành đai phía tây và quốc lộ 61C)
C	Hàng không
1	Xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và xây dựng các công trình thiết yếu của Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ
2	Xây dựng các sân bay và vùng nước dành cho thủy phi cơ trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt
3	Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay
D	Đường sắt
1	Đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ
2	Nhà ga Cần Thơ thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ
3	Quỹ đất dự kiến phát triển đô thị gắn với nhà ga, đường sắt Cần Thơ
4	Quỹ đất dự kiến phát triển logistics gắn với nhà ga Cần Thơ
Đ	Cảng biển

STT	Tên dự án (dự kiến)
1	Bến cảng khách quốc tế Cần Thơ (tại khu vực Bến phà Cần Thơ cũ)
2	Bến cảng và trung tâm logistic tại bến cảng Thốt Nốt
E	Cảng thủy nội địa
1	Cảng thủy nội địa hành khách (tại vị trí cuối đường Mai Chí Thọ, khu đô thị 586, quận Cái Răng)
2	Cụm cảng, bến của các tuyến buýt đường thủy trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác
G	Đường thủy nội địa
1	Nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia (cầu Ô Môn, cầu Thới Lai bắc qua sông Ô Môn; Cầu Đông Thuận, cầu Đông Bình bắc qua kênh Thị Đội Ô Môn)
2	Các tuyến sông, kênh lớn trọng điểm do trung ương và địa phương quản lý
H	Bến xe khách
1	Bến xe khách Cờ Đỏ
2	Bến xe khách phía Tây thành phố Cần Thơ
I	Bãi đỗ xe công cộng
	Các bãi đỗ xe công cộng trên mặt đất, ngầm hoặc nhiều tầng
K	Bãi đỗ xe buýt, xe hàng
1	Các bến, bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt
2	Các bến, bãi đỗ xe hàng
L	Giao thông thông minh
1	Trung tâm quản lý giao thông đô thị
2	Hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh
M	Tuyến thủy phi cơ
	Các tuyến thủy phi cơ gắn với các sân bay và vùng nước trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt
N	Tuyến buýt đường thủy
	Các tuyến buýt đường thủy gắn với các cảng, bến, điểm dừng đón trả khách trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác
VII	PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

STT	Tên dự án (dự kiến)
1	Khu Đô thị mới, thương mại, dịch vụ, thể thao và vui chơi giải trí (trong đó có sân golf) (2 khu)
2	Khu đô thị mới - thương mại dịch vụ
3	Thương mại - dịch vụ nhà ở xã hội
4	Khu đô thị mới - dịch vụ hỗn hợp
5	Khu đô thị mới - dịch vụ logistics
6	Khu đô thị mới 2 bên đường Võ Văn Kiệt (khu 1), quận Bình Thủy
7	Khu đô thị mới 2 bên đường Võ Văn Kiệt (khu 2), quận Bình Thủy
8	Khu đô thị mới 2 bên đường Võ Văn Kiệt (khu 3), quận Bình Thủy
9	Khu đô thị mới số 1
10	Khu đô thị mới số 7
11	Khu đô thị mới - Khu 3
12	Khu đô thị mới số 6
13	Khu đô thị mới số 8
14	Khu đô thị mới phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn
15	Khu đô thị mới phía Nam quốc lộ 91 (đoạn từ rạch Ông Tành đến rạch Tắc Ông Thục), phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn
16	Khu đô thị mới phường Phú Thứ, quận Cái Răng
17	Khu đô thị mới, cảng, logistic Thốt Nốt
18	Khu đô thị mới Thốt Nốt
19	Khu đô thị mới Trường Lạc
20	Các khu đô thị mới hai bên trục đại lộ Đông Tây, thành phố Cần Thơ trở thành trục động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố
21	Khu đô thị mới và Khu công nghệ thông tin tập trung
22	Khu đô thị mới phường Phước Thới, quận Ô Môn
23	Khu đô thị mới xã Đông Thuận, huyện Thới Lai
VIII	KHU ĐÔ THỊ - TÁI ĐỊNH CƯ
1	Khu Tái định cư số 01
2	Khu Tái định cư số 02
3	Khu Đô thị - Tái định cư số 03
4	Khu Đô thị - Tái định cư số 04
5	Khu Tái định cư số 05
6	Khu Tái định cư số 06

STT	Tên dự án (dự kiến)
7	Khu Tái định cư số 07
8	Khu Tái định cư số 08
9	Khu Tái định cư số 09
10	Khu Đô thị - Tái định cư số 10
11	Khu Đô thị - Tái định cư số 11
12	Khu Đô thị - Tái định cư số 12
13	Khu Đô thị - Tái định cư số 13
14	Khu Đô thị - Tái định cư số 14
15	Khu Đô thị - Tái định cư số 15
16	Khu Đô thị - Tái định cư số 16
IX	KHU HÀNH CHÍNH TẬP TRUNG
	Khu hành chính thành phố Cần Thơ
X	LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO
1	Nhà hát thành phố
2	Bảo tàng văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long
3	Hồ bơi trung tâm thành phố Cần Thơ
4	Bến tàu du lịch tổng hợp

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXV
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của thành phố Cần Thơ	1:250.000
	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	
2	Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội	1:50.000
3	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	1:50.000
5	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
6	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (du lịch, thương mại - dịch vụ, khoa học công nghệ công lập, an sinh xã hội)	1:50.000
7	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải; cấp nước sạch; thoát nước mưa; thủy lợi)	1:50.000
8	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (cấp điện và năng lượng; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
9	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thoát nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang)	1:50.000
10	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
11	Bản đồ hiện trạng môi trường, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
12	Bản đồ hiện trạng phát triển khu, cụm công nghiệp	1:50.000
13	Bản đồ hiện trạng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:50.000
14	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:50.000
15	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
16	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	
17	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa và thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
18	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (du lịch, thương mại - dịch vụ; khoa học công nghệ; an sinh xã hội)	1:50.000
	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
19	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, cấp nước sạch; thoát nước mưa, thủy lợi)	1:50.000
20	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (cấp điện và năng lượng; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
21	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thoát nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang)	1:50.000
22	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
23	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
24	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
25	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:50.000
26	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:50.000
	Sơ đồ chuyên đề	
27	Sơ đồ phương án phát triển khu, cụm công nghiệp	1:50.000
28	Sơ đồ phương án phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:50.000